

Số:467 /BC-BYT

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19
(Từ 16h00 ngày 03/4/2022 đến 16h00 ngày 04/4/2022)

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới

Tổng số ca mắc trên thế giới vượt 491,8 triệu ca, trên 6,1 triệu ca tử vong.

Trong 1 ngày qua, Hàn Quốc tiếp tục là nước có số ca mắc mới cao nhất (trên 234.000 ca), trong khi Nga là quốc gia có số ca tử vong mới cao nhất thế giới với trên 330 ca. Trung Quốc cũng chứng kiến xu thế dịch đáng ngại khi số ca mắc mới tăng mạnh, khiến nhà chức trách nước này quyết định phong tỏa một số thành phố lớn, qua đó tiếp tục kiên trì với chiến lược “Không COVID”.

Mới đây, Tổ chức Y tế thế giới (WHO) đã công bố một số kết quả nghiên cứu sơ bộ về một biến thể mới của virus SARS-CoV-2, với bằng chứng ban đầu cho thấy khả năng lây lan nhanh hơn cả biến thể Omicron. Thời gian qua, giới khoa học đã theo dõi 3 biến thể mới gồm XD, XF và XE. Trong đó, 2 biến thể XD và XF là những dạng kết hợp của biến thể Delta và BA.1, hay gọi là Deltacron. Hai biến thể này đã được nhắc tới từ vài tháng nay nhưng chưa thực sự gây ra những thay đổi đáng kể trong diễn biến dịch bệnh thế giới. Còn lại, biến thể XE là một dạng biến thể tái tổ hợp-kết hợp của chính các biến thể BA.1 và BA.2 của Omicron. Biến thể tái tổ hợp xuất hiện khi một người nhiễm cùng lúc 2 hoặc 3 biến thể của virus, tạo điều kiện cho các vật chất di truyền của các biến thể pha trộn trong cơ thể người bệnh. Đây không phải điều bất thường vì đã từng xảy ra một số lần trong thời gian đại dịch COVID-19 hoành hành. Theo các kết quả nghiên cứu sơ bộ do WHO tổng hợp, XE được phát hiện lần đầu ở Anh vào ngày 19/1 và hơn 600 mẫu phân tích chuỗi gene được xác nhận là biến thể XE. Những ước tính từ những ngày đầu cho thấy XE có tốc độ tăng trưởng lây nhiễm trong cộng đồng cao hơn BA.2 khoảng 10%.

II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam

Tính đến 16h00 ngày 04/4/2022, cả nước ghi nhận 9.867.045 ca mắc, trong đó 9.860.876 ca trong nước. Đến nay đã có 7.843.835 người khỏi bệnh, 42.600 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 9.864.193 ca, trong đó có 9.859.306 ca trong nước, 7.841.018 người đã khỏi bệnh (79,5%), 42.565 tử vong tại 60 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

III. Tình hình dịch trong ngày

1. Số ca mắc mới trong ngày

- Ghi nhận 48.717 ca dương tính, trong đó có 48.715 ca ghi nhận trong nước tại 62 tỉnh thành phố: Hà Nội (5.868), Đắk Lắk (3.925), Bắc Giang (2.649), Yên Bái (2.350), Nghệ An (2.300), Phú Thọ (2.282), Quảng Ninh (1.996), Lào Cai (1.590),

Thái Bình (1.432), Vĩnh Phúc (1.408), Tuyên Quang (1.348), Bắc Kạn (1.028), Hưng Yên (991), Thái Nguyên (984), Hải Dương (940), Lạng Sơn (911), Quảng Bình (909), Hà Giang (786), Hà Nam (767), Sơn La (703), Lâm Đồng (679), Cao Bằng (668), Cà Mau (655), Bình Định (649), Hà Tĩnh (640), Quảng Ngãi (627), Hồ Chí Minh (537), Vĩnh Long (536), Đà Nẵng (532), Hòa Bình (498), Bắc Ninh (493), Lai Châu (483), Bà Rịa - Vũng Tàu (461), Phú Yên (459), Bình Phước (457), Tây Ninh (454), Điện Biên (424), Đắk Nông (391), Nam Định (387), Quảng Trị (386), Bến Tre (381), Thanh Hóa (368), Ninh Bình (365), Hải Phòng (288), Quảng Nam (264), Thừa Thiên Huế (237), Trà Vinh (200), Bình Dương (179), Khánh Hòa (150), Bình Thuận (124), Đồng Tháp (85), Long An (85), An Giang (83), Sóc Trăng (83), Bạc Liêu (72), Kon Tum (64), Kiên Giang (32), Đồng Nai (29), Cần Thơ (21), Ninh Thuận (10), Tiền Giang (6), Hậu Giang (6).

- Có 2 ca nhập cảnh ghi nhận tại Hòa Bình (2).

- Các địa phương ghi nhận số ca nhiễm tăng nhiều nhất so với ngày trước đó: Đắk Lắk (+3.923), Hưng Yên (+282), Hồ Chí Minh (+190).

- Các địa phương ghi nhận số ca nhiễm giảm nhiều nhất so với ngày trước đó: Quảng Ninh (-526), Lạng Sơn (-450), Lào Cai (-444).

2. Kết quả giám sát các trường hợp mắc trong cộng đồng

- Cả nước ghi nhận 34.690 ca mắc trong cộng đồng (chiếm 71,2% tổng số mắc trong ngày), tăng 1.028 ca so với ngày trước đó.

- Một số địa phương ghi nhận số mắc trong ngày trong cộng đồng, gồm:

+ Tỉnh Đắk Lắk: Trong ngày ghi nhận 3.428 ca cộng đồng (tăng 3.426 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 151.771 ca.

+ TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 2.609 ca cộng đồng (tăng 876 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 1.502.111 ca.

+ Tỉnh Yên Bái: Trong ngày ghi nhận 2.009 ca thông qua sàng lọc (giảm 250 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 124.793 ca.

+ Tỉnh Quảng Ninh: Trong ngày ghi nhận 1.795 ca cộng đồng (giảm 517 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 304.948 ca.

+ Tỉnh Phú Thọ: Trong ngày ghi nhận 1.654 ca thông qua sàng lọc (giảm 84 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 287.901 ca.

- Trong 7 ngày qua, các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng tăng so với 7 ngày trước đó: Tuyên Quang tăng 156 ca, An Giang tăng 19 ca; các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng giảm: Bắc Ninh (giảm 10.275 ca), Lạng Sơn (giảm 9.574 ca).

3. Kết quả giám sát điều trị

- Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 7.841.018 người đã khỏi bệnh (79,5%), tăng 55.873 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 1.980.610 trường hợp, trong đó có 1.942 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 1.336 (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 262; (3) Thở máy không xâm lấn: 70; (4) Thở máy xâm lấn: 259; (5) Thở ECMO: 15.

- Trong ngày 03/4, ghi nhận 37 trường hợp tử vong (bằng với ngày trước đó), tại: Kiên Giang (4), Bạc Liêu (3), Quảng Ninh (3), Bến Tre (2), Bình Dương (2), Hà Nội (2), Hà Tĩnh (2), Khánh Hòa (2), Lâm Đồng (2), Phú Yên (2), Sóc Trăng (2), Bắc Ninh (1), Bình Định (1), Bình Phước (1), Bình Thuận (1), Cần Thơ (1), Cao Bằng (1), Đồng Nai (1), Hải Dương (1), Phú Thọ (1), Thái Nguyên (1), Vĩnh Long (1).

IV. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Bộ Y tế tổ chức Hội nghị trực tuyến hướng dẫn triển khai cấp "Hộ chiếu vaccine" và quán triệt việc bổ sung, xác thực thông tin tiêm vaccine phòng COVID-19 do Thứ trưởng Trần Văn Thuấn chủ trì.

- Tiếp tục chủ động bám sát diễn biến tình hình dịch, sự xuất hiện của các biến chủng mới; thường xuyên trao đổi với Tổ chức Y tế thế giới để cập nhật thông tin, kịp thời, chính xác về các biến chủng .

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, tư vấn sử dụng thuốc điều trị COVID-19. Trong đó ưu tiên những người thuộc đối tượng chống chỉ định cần được tư vấn, thăm khám (kể cả trực tuyến) để đảm bảo sử dụng thuốc được an toàn.

V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 03/4/2022, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 44.430.933 mẫu cho 88.428.871 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 38.697.769 mẫu tương đương 84.680.932 lượt người, tăng 67.107 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 6.996.715 mẫu gộp cho 49.509.834 lượt người.

VI. Công tác tiêm chủng:

1. Tiến độ tiếp nhận vắc xin

Tổng số vắc xin phòng COVID-19 đã tiếp nhận đến ngày 04/4/2022 là 230.910.514 triệu liều, cụ thể:

| TT | Loại vắc xin | Nguồn Ngân sách nhà nước mua | Nguồn viện trợ, tài trợ | | | | Tổng số vắc xin đã tiếp nhận |
|------------|-------------------------------------|------------------------------|-------------------------|-------------------|-----------------------------|----------------------|------------------------------|
| | | | Tổng viện trợ, tài trợ | Viện trợ COVAX | Viện trợ Chính phủ các nước | Tài trợ doanh nghiệp | |
| | (1) | (2) | (3) = 4+5+6 | (4) | (5) | (6) | (7)=2+3 |
| 1 | AstraZeneca | 31.436.236 | 33.786.840 | 13.572.980 | 19.827.460 | 386.400 | 65.223.076 |
| 2 | Pfizer | 50.999.130 | 41.590.950 | 36.998.910 | 4.592.040 | 0 | 92.590.080 |
| 3 | Moderna | 0 | 14.077.160 | 14.036.360 | 40.800 | 0 | 14.077.160 |
| 4 | Sinopharm | 20.000.000 | 32.261.200 | 61.200 | 7.200.000 | 25.000.000 | 52.261.200 |
| 5 | Abdala | 5.000.000 | 150.000 | 0 | 150.000 | 0 | 5.150.000 |
| 6 | Sputnik V | 0 | 1.508.998 | 0 | 32.000 | 1.476.998 | 1.508.998 |
| 7 | Sputnik Light | 0 | 100.000 | 0 | 100.000 | 0 | 100.000 |
| I | Tổng số vắc xin đã tiếp nhận | 107.435.366 | 123.475.148 | 64.669.450 | 31.942.300 | 26.863.398 | 230.910.514 |
| II | Tổng số vắc xin đã phân bổ | | | | | | 205.230.544 |
| III | Số vắc xin viện trợ cho Lào | | | | | | 500.000 |
| IV | Số vắc xin chưa phân bổ | | | | | | 25.179.970 |

Bộ Y tế đã tiếp nhận đủ số vắc xin mua từ nguồn Ngân sách Nhà nước. Trong tổng số 230,9 triệu liều đã tiếp nhận, đã phân bổ 205,2 triệu liều và viện trợ cho Lào 500.000 liều vắc xin AstraZeneca, còn khoảng 25,2 triệu liều¹ chưa phân bổ phần lớn do mới được tiếp nhận, cần tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin, ngoài ra một lượng lớn vắc xin Pfizer đang chờ được cung ứng nước muối sinh lý pha tiêm đi kèm.

2. Kết quả tiêm chủng đến hết ngày 03/4/2022

Cả nước đã tiêm 206.554.099 liều (*trong ngày tiêm được 29.022 liều*), tỷ lệ sử dụng đạt 100,6% số vắc xin phân bổ 135 đợt. Tỷ lệ tiêm trên các nhóm đối tượng như sau:

| Đối tượng ² | Mũi 1 | Mũi 2 | Mũi 3* |
|------------------------|--------|-------|--------|
| Người lớn (>=18 tuổi) | 100,0% | 99,8% | 49,2% |
| Trẻ em (12-17 tuổi) | 99,8% | 95,1% | - |

Ghi chú: () Mũi nhắc lại*

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 189.355.591 liều:

+ Mũi 1: 71.247.356 liều

+ Mũi 2: 69.567.642 liều³; Mũi bổ sung: 14.941.945 liều.

+ Mũi 3: 33.598.648 liều

- Số liều tiêm cho trẻ từ 12-17 tuổi là 17.198.508 liều:

+ Mũi 1: 8.808.048 liều

+ Mũi 2: 8.390.460 liều.

(Chi tiết phân bổ và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

VII. Hoạt động của các Bộ, ngành: chi tiết tại Phụ lục 4.

VIII. Nhận định

Trong bối cảnh số ca nhiễm nặng và tử vong giảm, tỷ lệ bao phủ vắc xin tăng, WHO nhận định dịch COVID-19 sẽ không biến mất hoàn toàn, có thể sớm trở thành bệnh lưu hành, đồng nghĩa với việc tỷ lệ người dân có kháng thể cao nhờ được tiêm chủng hoặc do đã nhiễm bệnh, số ca mắc mới tăng ở mức ổn định. WHO đang thảo luận về các tiêu chí đánh giá và thời điểm có thể tuyên bố kết thúc tình trạng khẩn cấp y tế toàn cầu mặc dù thừa nhận chưa thể tuyên bố chấm dứt tình trạng khẩn cấp ở thời điểm hiện tại, hiện nay WHO khuyến khích các quốc gia thành viên thực hiện các biện pháp chuyển tiếp từ phòng chống đại dịch sang quản lý bền vững.

Đến nay dịch bệnh cơ bản đang được kiểm soát trên phạm vi cả nước. Số mắc mới có xu hướng giảm tại hầu hết các tỉnh, thành phố trong tuần qua, số trường hợp tử

¹ 25,2 triệu liều chưa phân bổ gồm: 8,8 triệu liều Pfizer mua; 2,2 triệu liều Pfizer cho Chính phủ Úc viện trợ; 0,1 triệu liều AstraZeneca do Chính phủ Singapore viện trợ; 0,2 triệu liều vắc xin AstraZeneca do Hungary viện trợ; 13 triệu liều Pfizer và 0,5 triệu liều AstraZeneca do COVAX viện trợ; 0,3 triệu liều AstraZeneca của VNVC.

² Hiện tại có sự di biến động dân cư, đặc biệt trong nhóm đối tượng từ 18 tuổi trở lên. Số liệu đối tượng từ 12-17 tuổi và từ 18 tuổi trở lên đang tổng hợp theo Công văn số 3614/VSDTTU-TCQG ngày 31/12/2021 của Viện VSDTTU và theo điều chỉnh của địa phương sau đó (nếu có).

³ Bao gồm 1.509.399 liều Abdala mũi 3. Vắc xin Abdala có lộ trình tiêm 3 liều cơ bản, mỗi liều cách nhau 14 ngày.

vong giảm mạnh chỉ còn trên dưới 40 ca mỗi ngày.

IX. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới

1. Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục tổ chức triển khai hiệu quả Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 17/3/2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình phòng, chống dịch COVID-19; tiếp tục đẩy mạnh tiêm chủng, nhất là nhóm 5-11 tuổi, vận dụng linh hoạt, hiệu quả trong phạm vi, điều kiện cụ thể. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về phòng, chống dịch bệnh; nâng cao ý thức cá nhân trong việc chủ động, tự giác thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch; thực hiện đúng các quy định, hướng dẫn của Bộ Y tế trong quản lý, điều trị người nhiễm COVID-19 tại nhà, không áp dụng theo các hướng dẫn từ các nguồn thông tin không tin cậy, chưa được kiểm chứng. Tăng cường truyền thông về tiêm chủng và vận động đưa trẻ từ 5-11 tuổi tham gia tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 an toàn.

2. Các địa phương:

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, tư vấn sử dụng thuốc điều trị COVID-19. Trong đó ưu tiên những người thuộc đối tượng chống chỉ định cần được tư vấn, thăm khám (kể cả trực tuyến) để đảm bảo sử dụng thuốc được an toàn.

- Đánh giá xu hướng tăng/giảm ca nặng, số ca nhập viện so với số ca mắc để đánh giá nguy cơ tình hình dịch, không để quá tải hệ thống y tế.

- Tiếp tục đẩy mạnh tiêm chủng, bảo đảm tiến độ tiêm vắc xin; tăng cường vận động người dân tiêm vắc xin, đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người để tránh bỏ sót; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh rà soát và tổ chức tiêm liều cơ bản và liều bổ sung cho người trên 50 tuổi, người có bệnh nền đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở; sau khi đã tiêm đủ liều cơ bản thì triển khai tiêm liều bổ sung và liều nhắc lại theo thứ tự ưu tiên; chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực để tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi ngay sau khi được cung ứng vắc xin.

- Nâng cao năng lực thu dung, điều trị; giảm tối đa các trường hợp tử vong; chủ động, sẵn sàng các các biện pháp phòng, chống dịch theo diễn biến dịch bệnh trên địa bàn nhằm phát hiện sớm, điều trị sớm, hạn chế tối đa các trường hợp chuyển biến nặng, tử vong; tăng cường theo dõi, giám sát sức khỏe người nhiễm vi rút để kịp thời liên hệ với cơ sở y tế ngay khi có nhu cầu.

Tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai báo ca bệnh tại cộng đồng, hỗ trợ triển khai các thủ tục, chính sách đối với người nhiễm bệnh và mua thuốc điều trị COVID-19.

3. Bộ Y tế: (1) Tiếp tục đẩy mạnh tiêm chủng, bảo đảm tiến độ tiêm vắc xin; chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực để tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi ngay sau khi được cung ứng vắc xin. Nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm quốc tế về việc tiêm mũi tăng cường 4 và tiêm cho trẻ dưới 5 tuổi; (2) Tiếp tục cấp phép các loại thuốc điều trị phù hợp với các quy định, thông lệ quốc tế, hướng dẫn điều trị, sử dụng thuốc phù hợp; giảm thiểu các thủ tục hành chính, triển khai thống nhất trên toàn quốc để đảm bảo người dân được tiếp cận và thực hiện điều trị sớm; (3) Tăng cường hướng dẫn các biện pháp điều trị tại nhà, tại cơ sở y tế để không quá tải hệ thống y tế, nhất là tại tầng 3, tập trung quản lý người có nguy cơ cao và người lao động; (4) Điều chỉnh, cập nhật các quy định về thời gian cách ly F0, F1 theo hướng không cách ly y tế tại nhà đối với người tiếp xúc gần, trừ trường hợp nghi ngờ mắc bệnh; (5) Tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, đơn vị

nhập khẩu, sản xuất thuốc điều trị COVID-19; thúc đẩy thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, sản xuất vắc xin, thuốc điều trị COVID-19 trong nước.

4. Tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách về an ninh, an toàn trật tự xã hội, an sinh xã hội, vận động, huy động nguồn lực, tài chính, công tác dân vận để Nhân dân yên tâm lao động sản xuất, kinh doanh, ổn định cuộc sống; tạo điều kiện thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống dịch và phục hồi phát triển kinh tế xã hội.

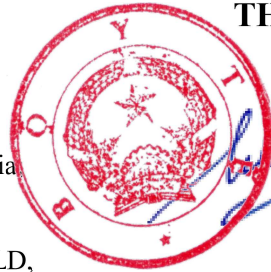
5. Cập nhật, xây dựng kế hoạch đáp ứng và phòng chống dịch COVID-19 nhằm tiến tới chấm dứt giai đoạn khẩn cấp của đại dịch theo 3 tình huống phù hợp với hướng dẫn ban hành ngày 31/3/2022 của Tổ chức Y tế thế giới (WHO).

6. Đẩy mạnh tuyên truyền về phòng, chống dịch bệnh; nâng cao ý thức cá nhân trong việc chủ động, tự giác thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch; thực hiện đúng các quy định, hướng dẫn của Bộ Y tế trong quản lý, điều trị người nhiễm COVID-19 tại nhà, không áp dụng theo các hướng dẫn từ các nguồn thông tin không tin cậy, chưa được kiểm chứng. Ngăn chặn hiệu quả các luận điệu xuyên tạc, sai trái, chống đối công tác phòng, chống dịch.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Trường Sơn

Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021

| TT | Địa phương, đơn vị | Số mắc ngày 03/4 | Số mắc ngày 04/4 | Tăng, giảm (-) so với ngày trước | Số mắc tích lũy đến 04/4 | Số tử vong tích lũy đến 03/4 |
|---|--------------------|------------------|------------------|----------------------------------|--------------------------|------------------------------|
| Có lây nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua: | | 50.730 | 48.715 | -2.015 | 9.859.104 | 42.565 |
| 1 | Hà Nội | 6.304 | 5.868 | -436 | 1.502.111 | 1.214 |
| 2 | Hồ Chí Minh | 347 | 537 | 190 | 596.940 | 20.472 |
| 3 | Nghệ An | 2.599 | 2.300 | -299 | 402.907 | 139 |
| 4 | Bình Dương | 589 | 179 | -410 | 379.064 | 3.453 |
| 5 | Hải Dương | 754 | 940 | 186 | 348.055 | 110 |
| 6 | Vĩnh Phúc | 1592 | 1408 | -184 | 346.636 | 19 |
| 7 | Bắc Giang | 2503 | 2649 | 146 | 336.443 | 90 |
| 8 | Bắc Ninh | 735 | 493 | -242 | 329.285 | 132 |
| 9 | Quảng Ninh | 2522 | 1996 | -526 | 304.948 | 133 |
| 10 | Phú Thọ | 2435 | 2282 | -153 | 287.901 | 83 |
| 11 | Nam Định | 368 | 387 | 19 | 287.523 | 147 |
| 12 | Thái Bình | 1725 | 1432 | -293 | 252.380 | 21 |
| 13 | Hưng Yên | 709 | 991 | 282 | 229.696 | 5 |
| 14 | Hòa Bình | 591 | 498 | -93 | 197.520 | 103 |
| 15 | Thái Nguyên | 997 | 984 | -13 | 170.849 | 104 |
| 16 | Lào Cai | 2034 | 1590 | -444 | 160.665 | 33 |
| 17 | Đắc Lắc | 2 | 3925 | 3.923 | 151.771 | 159 |
| 18 | Lạng Sơn | 1361 | 911 | -450 | 145.707 | 78 |
| 19 | Cà Mau | 565 | 655 | 90 | 145.365 | 350 |
| 20 | Sơn La | 948 | 703 | -245 | 141.749 | 0 |
| 21 | Tuyên Quang | 1420 | 1348 | -72 | 139.280 | 13 |
| 22 | Thanh Hóa | 409 | 368 | -41 | 134.677 | 104 |
| 23 | Bình Định | 929 | 649 | -280 | 133.210 | 276 |
| 24 | Tây Ninh | 669 | 454 | -215 | 131.374 | 866 |
| 25 | Yên Bái | 2604 | 2350 | -254 | 124.793 | 11 |
| 26 | Hải Phòng | 247 | 288 | 41 | 117.154 | 135 |
| 27 | Khánh Hòa | 194 | 150 | -44 | 115.949 | 346 |
| 28 | Bình Phước | 674 | 457 | -217 | 112.783 | 215 |
| 29 | Quảng Bình | 1283 | 909 | -374 | 112.673 | 74 |
| 30 | Hà Giang | 968 | 786 | -182 | 112.021 | 79 |
| 31 | Đồng Nai | 37 | 29 | -8 | 106.224 | 1.830 |
| 32 | Đà Nẵng | 419 | 532 | 113 | 96.173 | 325 |
| 33 | Vĩnh Long | 758 | 536 | -222 | 94.198 | 805 |
| 34 | Ninh Bình | 520 | 365 | -155 | 93.495 | 88 |
| 35 | Bến Tre | 519 | 381 | -138 | 92.326 | 453 |
| 36 | Cao Bằng | 789 | 668 | -121 | 84.192 | 49 |
| 37 | Lâm Đồng | 768 | 679 | -89 | 83.408 | 126 |
| 38 | Điện Biên | 467 | 424 | -43 | 82.552 | 19 |

| TT | Địa phương, đơn vị | Số mắc ngày 03/4 | Số mắc ngày 04/4 | Tăng, giảm (-) so với ngày trước | Số mắc tích lũy đến 04/4 | Số tử vong tích lũy đến 03/4 |
|--|--------------------|------------------|------------------|----------------------------------|--------------------------|------------------------------|
| 39 | Hà Nam | 957 | 767 | -190 | 77.501 | 60 |
| 40 | Quảng Trị | 562 | 386 | -176 | 74.229 | 35 |
| 41 | BRVT | 454 | 461 | 7 | 69.726 | 482 |
| 42 | Lai Châu | 572 | 483 | -89 | 66.973 | 0 |
| 43 | Trà Vinh | 229 | 200 | -29 | 64.185 | 283 |
| 44 | Bắc Kạn | 1112 | 1028 | -84 | 57.372 | 20 |
| 45 | Bình Thuận | 135 | 124 | -11 | 50.523 | 464 |
| 46 | Đồng Tháp | 19 | 85 | 66 | 50.013 | 982 |
| 47 | Đắc Nông | 437 | 391 | -46 | 49.917 | 44 |
| 48 | Phú Yên | 362 | 459 | 97 | 49.723 | 129 |
| 49 | Cần Thơ | 46 | 21 | -25 | 49.127 | 932 |
| 50 | Gia Lai | | | 0 | 48.456 | 100 |
| 51 | Long An | 128 | 85 | -43 | 47.705 | 990 |
| 52 | Bạc Liêu | 117 | 72 | -45 | 45.463 | 456 |
| 53 | Quảng Nam | 251 | 264 | 13 | 44.666 | 132 |
| 54 | T.T.Huế | 555 | 237 | -318 | 43.597 | 172 |
| 55 | Quảng Ngãi | 463 | 627 | 164 | 42.640 | 120 |
| 56 | Hà Tĩnh | 688 | 640 | -48 | 42.553 | 44 |
| 57 | An Giang | 136 | 83 | -53 | 40.059 | 1.367 |
| 58 | Kiên Giang | 44 | 32 | -12 | 38.649 | 981 |
| 59 | Tiền Giang | 3 | 6 | 3 | 36.148 | 1.220 |
| 60 | Sóc Trăng | | 83 | 83 | 34.256 | 614 |
| 61 | Kon Tum | 88 | 64 | -24 | 25.789 | 0 |
| 62 | Hậu Giang | 9 | 6 | -3 | 17.372 | 222 |
| 63 | Ninh Thuận | 9 | 10 | 1 | 8.465 | 57 |
| 14 ngày qua không có lây nhiễm thứ phát tại địa phương: | | | | | | |
| Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới: | | | | | 202 | - |
| | BVNĐ TW | | | | 96 | |
| | BV K | | | | 106 | |
| | Tổng cộng | 50.730 | 48.715 | -2.015 | 9.859.306 | 42.565 |

PHỤ LỤC 2
PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 03/4/2022)

| TT | Tỉnh | Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt | Mũi 1 cho người trên 18 tuổi | Mũi 2 cho người trên 18 tuổi | Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi | Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi | Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi | Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi | Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi | Tổng số tiêm | Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt |
|----|--------------|--|---------------------------------------|---------------------------------------|---|---|---|---|---|-----------------|---|
| 1 | Hà Nội | 17.746.562 | 6.232.681 | 6.006.085 | 0 | 217.275 | 4.313.173 | 702.994 | 679.042 | 18.151.250 | 102,3% |
| 2 | Hải Phòng | 4.421.396 | 1.696.526 | 1.619.633 | 0 | 559.479 | 344.028 | 173.514 | 174.432 | 4.567.612 | 103,3% |
| 3 | Thái Bình | 3.160.320 | 1.161.732 | 1.198.274 | 98.615 | 292.044 | 463.287 | 153.953 | 147.025 | 3.514.930 | 111,2% |
| 4 | Nam Định | 3.219.500 | 1.149.666 | 1.132.616 | 0 | 57.360 | 902.278 | 158.975 | 156.350 | 3.557.245 | 110,5% |
| 5 | Hà Nam | 1.823.260 | 584.341 | 575.267 | 0 | 276.866 | 282.867 | 71.440 | 69.249 | 1.860.030 | 102,0% |
| 6 | Ninh Bình | 1.741.280 | 675.426 | 668.271 | 0 | 235.215 | 315.978 | 82.255 | 79.446 | 2.056.591 | 118,1% |
| 7 | Thanh Hoá | 7.735.680 | 2.205.107 | 2.145.276 | 290.250 | 422.017 | 1.478.648 | 283.977 | 281.834 | 7.107.109 | 91,9% |
| 8 | Bắc Giang | 3.702.018 | 1.305.661 | 1.288.142 | 0 | 159.744 | 1.080.374 | 149.985 | 149.460 | 4.133.366 | 111,7% |
| 9 | Bắc Ninh | 3.119.990 | 1.137.444 | 1.095.203 | 0 | 360.460 | 522.512 | 115.794 | 110.473 | 3.341.886 | 107,1% |
| 10 | Phú Thọ | 2.512.660 | 1.003.167 | 1.000.799 | 0 | 287.369 | 414.578 | 130.499 | 126.587 | 2.962.999 | 117,9% |
| 11 | Vĩnh | 2.302.560 | 795.389 | 774.326 | 0 | 242.994 | 402.159 | 117.004 | 113.134 | 2.445.006 | 106,2% |

| TT | Tỉnh | Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt | Mũi 1 cho người trên 18 tuổi | Mũi 2 cho người trên 18 tuổi | Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi | Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi | Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi | Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi | Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi | Tổng số tiêm | Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt |
|----|----------------|--|---------------------------------------|---------------------------------------|---|---|---|---|---|-----------------|---|
| | Phúc | | | | | | | | | | |
| 12 | Hải Duong | 3.347.176 | 1.336.170 | 1.285.392 | 6.607 | 101.291 | 546.432 | 157.247 | 155.092 | 3.588.231 | 107,2% |
| 13 | Hưng Yên | 2.457.762 | 822.811 | 798.818 | 0 | 307.914 | 358.790 | 110.591 | 110.075 | 2.508.999 | 102,1% |
| 14 | Thái Nguyên | 2.452.650 | 915.135 | 888.549 | 12.792 | 208.258 | 311.708 | 110.476 | 108.180 | 2.555.098 | 104,2% |
| 15 | Bắc Cạn | 610.140 | 220.453 | 218.323 | 0 | 14.000 | 112.119 | 25.590 | 24.747 | 615.232 | 100,8% |
| 16 | Quảng Ninh | 3.281.368 | 1.013.444 | 987.870 | 0 | 21.625 | 900.410 | 124.328 | 120.979 | 3.168.656 | 96,6% |
| 17 | Hoà Bình | 1.655.130 | 557.075 | 531.544 | 758 | 241.830 | 186.556 | 76.353 | 72.757 | 1.666.873 | 100,7% |
| 18 | Nghệ An | 5.647.240 | 2.005.436 | 1.998.146 | 499.033 | 570.777 | 618.628 | 281.138 | 267.952 | 6.241.110 | 110,5% |
| 19 | Hà Tĩnh | 2.270.650 | 804.869 | 740.576 | 0 | 271.975 | 187.855 | 114.027 | 112.309 | 2.231.611 | 98,3% |
| 20 | Lai Châu | 785.810 | 257.174 | 247.174 | 529 | 108.503 | 101.656 | 54.433 | 48.533 | 818.002 | 104,1% |
| 21 | Lạng Sơn | 1.741.530 | 511.560 | 503.022 | 0 | 0 | 431.563 | 66.528 | 62.859 | 1.575.532 | 90,5% |
| 22 | Tuyên Quang | 1.425.200 | 493.480 | 491.025 | 0 | 40.926 | 324.037 | 70.237 | 67.026 | 1.486.731 | 104,3% |
| 23 | Hà Giang | 1.732.720 | 491.177 | 479.296 | 529 | 207.636 | 232.749 | 89.364 | 86.711 | 1.587.462 | 91,6% |

| TT | Tỉnh | Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt | Mũi 1 cho người trên 18 tuổi | Mũi 2 cho người trên 18 tuổi | Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi | Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi | Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi | Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi | Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi | Tổng số tiêm | Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt |
|----------------------|-------------|--|---------------------------------------|---------------------------------------|---|---|---|---|---|-------------------|---|
| 24 | Cao Bằng | 1.005.520 | 350.870 | 332.760 | 0 | 73.409 | 127.648 | 45.548 | 41.433 | 971.668 | 96,6% |
| 25 | Yên Bái | 1.640.754 | 518.479 | 509.292 | 0 | 265.402 | 215.022 | 80.194 | 76.186 | 1.664.575 | 101,5% |
| 26 | Lào Cai | 1.539.820 | 467.638 | 457.525 | 0 | 257.359 | 155.780 | 81.643 | 76.511 | 1.496.456 | 97,2% |
| 27 | Sơn La | 1.879.940 | 739.408 | 707.085 | 2.362 | 0 | 376.707 | 143.420 | 132.065 | 2.101.047 | 111,8% |
| 28 | Điện Biên | 1.142.760 | 337.457 | 320.684 | 0 | 232.382 | 92.862 | 76.484 | 63.854 | 1.123.723 | 98,3% |
| Cộng miền Bắc | | 86.101.396 | 29.789.776 | 29.000.973 | 911.475 | 6.034.110 | 15.800.404 | 3.847.991 | 3.714.301 | 89.099.030 | 103,5% |
| 29 | Quảng Bình | 1.562.332 | 538.838 | 523.806 | 0 | 173.947 | 194.594 | 80.836 | 75.192 | 1.587.213 | 101,6% |
| 30 | Quảng Trị | 1.306.372 | 433.467 | 417.896 | 10.622 | 65.595 | 232.210 | 64.995 | 60.323 | 1.285.108 | 98,4% |
| 31 | TT- Huế | 2.428.386 | 787.382 | 767.498 | 0 | 279.088 | 324.032 | 104.437 | 98.634 | 2.361.071 | 97,2% |
| 32 | Tp. Đà Nẵng | 2.495.632 | 865.214 | 856.510 | 0 | 82.226 | 644.442 | 102.158 | 99.989 | 2.650.539 | 106,2% |
| 33 | Quảng Nam | 3.189.860 | 1.083.481 | 1.043.590 | 36.681 | 409.350 | 324.640 | 132.605 | 130.337 | 3.160.684 | 99,1% |
| 34 | Quảng Ngãi | 2.755.364 | 852.824 | 810.806 | 0 | 119.146 | 487.345 | 114.198 | 111.315 | 2.495.634 | 90,6% |
| 35 | Bình | 2.974.270 | 1.050.466 | 1.017.103 | 53.940 | 361.166 | 372.519 | 141.484 | 139.405 | 3.136.083 | 105,4% |

| TT | Tỉnh | Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt | Mũi 1 cho người trên 18 tuổi | Mũi 2 cho người trên 18 tuổi | Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi | Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi | Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi | Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi | Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi | Tổng số tiêm | Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt |
|----------------------------|---------------|--|---------------------------------------|---------------------------------------|---|---|---|---|---|-------------------|---|
| | Định | | | | | | | | | | |
| 36 | Phú Yên | 1.732.454 | 626.966 | 599.882 | 508 | 78.845 | 285.659 | 85.905 | 81.674 | 1.759.439 | 101,6% |
| 37 | Khánh Hòa | 2.757.854 | 979.700 | 952.919 | 0 | 395.584 | 353.763 | 122.089 | 115.526 | 2.919.581 | 105,9% |
| 38 | Ninh Thuận | 1.233.610 | 432.428 | 403.923 | 0 | 154.920 | 176.028 | 61.814 | 59.160 | 1.288.273 | 104,4% |
| 39 | Bình Thuận | 2.720.780 | 915.237 | 887.896 | 7.207 | 271.797 | 181.648 | 132.154 | 128.046 | 2.523.985 | 92,8% |
| Cộng miền Trung | | 25.156.914 | 8.566.003 | 8.281.829 | 108.958 | 2.391.664 | 3.576.880 | 1.142.675 | 1.099.601 | 25.167.610 | 100,0% |
| 40 | Kon Tum | 976.100 | 321.450 | 321.470 | 10.696 | 94.805 | 113.738 | 58.967 | 55.541 | 976.667 | 100,1% |
| 41 | Gia Lai | 2.739.482 | 996.091 | 921.737 | 80.425 | 216.022 | 303.414 | 168.725 | 148.111 | 2.834.525 | 103,5% |
| 42 | Đắk Lắk | 3.380.970 | 1.260.197 | 1.201.204 | 0 | 519.153 | 269.247 | 178.061 | 164.158 | 3.592.020 | 106,2% |
| 43 | Đắk Nhơn | 1.238.580 | 403.319 | 399.800 | 0 | 212.786 | 142.026 | 68.070 | 65.742 | 1.291.743 | 104,3% |
| Cộng Tây Nguyên | | 8.335.132 | 2.981.057 | 2.844.211 | 91.121 | 1.042.766 | 828.425 | 473.823 | 433.552 | 8.694.955 | 104,3% |
| 44 | TP. HCM | 20.329.820 | 7.396.195 | 6.684.740 | 9 | 681.107 | 4.246.341 | 729.180 | 685.478 | 20.423.050 | 100,5% |
| 45 | BR-VT | 2.756.626 | 971.107 | 912.004 | 0 | 27.049 | 652.463 | 110.539 | 109.284 | 2.782.446 | 100,9% |

| TT | Tỉnh | Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt | Mũi 1 cho người trên 18 tuổi | Mũi 2 cho người trên 18 tuổi | Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi | Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi | Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi | Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi | Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi | Tổng số tiêm | Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt |
|----|------------|--|---------------------------------------|---------------------------------------|---|---|---|---|---|-----------------|---|
| 46 | Đồng Nai | 6.663.800 | 2.722.491 | 2.360.664 | 0 | 175.348 | 646.743 | 284.677 | 274.559 | 6.464.482 | 97,0% |
| 47 | Tiền Giang | 3.821.466 | 1.325.388 | 1.279.864 | 131.237 | 105.670 | 813.108 | 156.914 | 158.132 | 3.970.313 | 103,9% |
| 48 | Long An | 4.337.696 | 1.501.537 | 1.465.083 | 0 | 22.866 | 1.142.894 | 171.747 | 157.212 | 4.461.339 | 102,9% |
| 49 | Lâm Đồng | 3.006.030 | 982.960 | 966.831 | 0 | 527.792 | 253.928 | 138.865 | 120.218 | 2.990.594 | 99,5% |
| 50 | Tây Ninh | 2.606.794 | 948.905 | 895.853 | 0 | 32.471 | 507.711 | 109.066 | 100.641 | 2.594.647 | 99,5% |
| 51 | Cần Thơ | 2.766.418 | 944.715 | 944.484 | 6.009 | 343.566 | 308.586 | 110.385 | 103.070 | 2.760.815 | 99,8% |
| 52 | Sóc Trăng | 2.583.664 | 899.036 | 865.520 | 0 | 670.511 | 48.563 | 116.852 | 111.026 | 2.711.508 | 104,9% |
| 53 | An Giang | 4.085.900 | 1.374.119 | 1.356.977 | 191.812 | 472.495 | 400.637 | 206.909 | 192.281 | 4.195.230 | 102,7% |
| 54 | Bến Tre | 3.005.278 | 1.024.462 | 1.012.711 | 0 | 479.311 | 285.584 | 106.936 | 105.136 | 3.014.140 | 100,3% |
| 55 | Trà Vinh | 2.098.550 | 698.874 | 685.171 | 0 | 14.376 | 493.521 | 98.456 | 90.955 | 2.081.353 | 99,2% |
| 56 | Vĩnh Long | 2.337.120 | 778.989 | 765.334 | 0 | 290.666 | 346.575 | 92.890 | 88.112 | 2.362.566 | 101,1% |
| 57 | Đồng Tháp | 3.659.806 | 1.160.481 | 1.200.662 | 148 | 373.642 | 304.556 | 157.885 | 149.140 | 3.346.514 | 91,4% |

| TT | Tỉnh | Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt | Mũi 1 cho người trên 18 tuổi | Mũi 2 cho người trên 18 tuổi | Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi | Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi | Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi | Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi | Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi | Tổng số tiêm | Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt |
|--------------------------|---------------|--|---------------------------------------|---------------------------------------|---|---|---|---|---|-------------------|---|
| 58 | Bình Duong | 6.422.152 | 2.633.972 | 2.196.314 | 0 | 163.789 | 1.304.378 | 199.855 | 167.983 | 6.666.291 | 103,8% |
| 59 | Bình Phước | 2.292.174 | 753.459 | 723.118 | 0 | 221.711 | 262.527 | 109.584 | 100.949 | 2.171.348 | 94,7% |
| 60 | Kiên Giang | 3.790.150 | 1.238.102 | 1.174.115 | 68.630 | 0 | 485.416 | 167.347 | 159.082 | 3.292.692 | 86,9% |
| 61 | Cà Mau | 2.492.410 | 819.787 | 809.044 | 0 | 436.097 | 125.606 | 112.601 | 111.924 | 2.415.059 | 96,9% |
| 62 | Bạc Liêu | 1.584.224 | 568.657 | 560.735 | 0 | 180.920 | 220.724 | 88.829 | 86.211 | 1.706.076 | 107,7% |
| 63 | Hậu Giang | 1.529.630 | 532.756 | 514.735 | 0 | 254.018 | 134.416 | 74.042 | 71.613 | 1.581.580 | 103,4% |
| Cộng miền Nam | | 82.169.708 | 29.275.992 | 27.373.959 | 397.845 | 5.473.405 | 12.984.277 | 3.343.559 | 3.143.006 | 81.992.043 | 99,8% |

Ghi chú:

- 173.250 liều vắc xin Moderna đợt 134 và 286.518 liều vắc xin Pfizer đợt 135 có Quyết định phân bổ ngày 18/3/2022
- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1, mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.
- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 67.130 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, VNVC) và số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.

- Bộ Quốc phòng được cấp 1.649.420 liều vắc xin, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.464.202 liều, trong đó có 574.604 mũi 1, 519.399 mũi 2 và 370.199 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

- Bộ Công an được cấp 1.442.380 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 136.259 liều, trong đó có 59.924 mũi 1, 37.872 mũi 2 và 38.463 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

PHỤ LỤC 3
TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 03/4/2022)

| TT | Tỉnh | Dân số 18 tuổi trở lên | Dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi |
|----|-------------|------------------------|----------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|---|--------------------------------------|--------------------------------------|
| 1 | Hà Nội | 5.449.464 | 676.050 | 100,0% | 100,0% | 79,1% | 100,0% | 100,0% |
| 2 | Hải Phòng | 1.442.515 | 168.000 | 100,0% | 100,0% | 23,8% | 100,0% | 100,0% |
| 3 | Thái Bình | 1.245.000 | 150.000 | 93,3% | 96,2% | 37,2% | 100,0% | 98,0% |
| 4 | Nam Định | 1.159.000 | 159.266 | 99,2% | 97,7% | 77,8% | 99,8% | 98,2% |
| 5 | Hà Nam | 612.219 | 72.258 | 95,4% | 94,0% | 46,2% | 98,9% | 95,8% |
| 6 | Ninh Bình | 665.715 | 81.762 | 100,0% | 100,0% | 47,5% | 100,0% | 97,2% |
| 7 | Thanh Hoá | 2.204.426 | 285.497 | 100,0% | 97,3% | 67,1% | 99,5% | 98,7% |
| 8 | Bắc Giang | 1.280.197 | 150.059 | 100,0% | 100,0% | 84,4% | 100,0% | 99,6% |
| 9 | Bắc Ninh | 1.146.710 | 116.710 | 99,2% | 95,5% | 45,6% | 99,2% | 94,7% |
| 10 | Phú Thọ | 1.010.520 | 128.757 | 99,3% | 99,0% | 41,0% | 100,0% | 98,3% |
| 11 | Vĩnh Phúc | 789.896 | 115.958 | 100,0% | 98,0% | 50,9% | 100,0% | 97,6% |
| 12 | Hải Dương | 1.344.063 | 157.641 | 99,4% | 95,6% | 40,7% | 99,8% | 98,4% |
| 13 | Hưng Yên | 826.028 | 112.803 | 99,6% | 96,7% | 43,4% | 98,0% | 97,6% |
| 14 | Thái Nguyên | 918.061 | 107.936 | 100,0% | 96,8% | 34,0% | 100,0% | 100,0% |
| 15 | Bắc Cạn | 220.169 | 25.202 | 100,0% | 99,2% | 50,9% | 100,0% | 98,2% |
| 16 | Quảng Ninh | 1.020.234 | 121.623 | 99,3% | 96,8% | 88,3% | 100,0% | 99,5% |
| 17 | Hoà Bình | 570.146 | 73.734 | 97,7% | 93,2% | 32,7% | 100,0% | 98,7% |

| TT | Tỉnh | Dân số 18 tuổi trở lên | Dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi |
|----------------------|-------------|------------------------|----------------------|--------------------------------|--------------------------------|---|-----------------------------------|-----------------------------------|
| 18 | Nghệ An | 1.960.688 | 274.429 | 100,0% | 100,0% | 31,6% | 100,0% | 97,6% |
| 19 | Hà Tĩnh | 795.436 | 115.398 | 100,0% | 93,1% | 23,6% | 98,8% | 97,3% |
| 20 | Lai Châu | 261.410 | 52.540 | 98,4% | 94,6% | 38,9% | 100,0% | 92,4% |
| 21 | Lạng Sơn | 506.403 | 65.750 | 100,0% | 99,3% | 85,2% | 100,0% | 95,6% |
| 22 | Tuyên Quang | 488.140 | 72.401 | 100,0% | 100,0% | 66,4% | 97,0% | 92,6% |
| 23 | Hà Giang | 490.008 | 89.928 | 100,0% | 97,8% | 47,5% | 99,4% | 96,4% |
| 24 | Cao Bằng | 368.973 | 44.257 | 95,1% | 90,2% | 34,6% | 100,0% | 93,6% |
| 25 | Yên Bái | 510.271 | 79.169 | 100,0% | 99,8% | 42,1% | 100,0% | 96,2% |
| 26 | Lào Cai | 445.152 | 79.914 | 100,0% | 100,0% | 35,0% | 100,0% | 95,7% |
| 27 | Sơn La | 737.237 | 141.675 | 100,0% | 95,9% | 51,1% | 100,0% | 93,2% |
| 28 | Điện Biên | 339.186 | 67.539 | 99,5% | 94,5% | 27,4% | 100,0% | 94,5% |
| Cộng miền Bắc | | 28.807.267 | 3.786.256 | 100,0% | 100,0% | 54,8% | 100,0% | 98,1% |
| 29 | Quảng Bình | 541.719 | 79.538 | 99,5% | 96,7% | 35,9% | 100,0% | 94,5% |
| 30 | Quảng Trị | 453.602 | 65.509 | 95,6% | 92,1% | 51,2% | 99,2% | 92,1% |
| 31 | TT- Huế | 779.911 | 103.142 | 100,0% | 98,4% | 41,5% | 100,0% | 95,6% |
| 32 | Tp. Đà Nẵng | 885.070 | 102.225 | 97,8% | 96,8% | 72,8% | 99,9% | 97,8% |
| 33 | Quảng Nam | 1.086.469 | 140.387 | 99,7% | 96,1% | 29,9% | 94,5% | 92,8% |
| 34 | Quảng Ngãi | 852.717 | 114.877 | 100,0% | 95,1% | 57,2% | 99,4% | 96,9% |
| 35 | Bình Định | 1.115.072 | 146.514 | 94,2% | 91,2% | 33,4% | 96,6% | 95,1% |

| TT | Tỉnh | Dân số 18 tuổi trở lên | Dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi |
|------------------------|------------|------------------------|----------------------|--------------------------------|--------------------------------|---|-----------------------------------|-----------------------------------|
| 36 | Phú Yên | 649.673 | 85.684 | 96,5% | 92,3% | 44,0% | 100,0% | 95,3% |
| 37 | Khánh Hòa | 952.940 | 128.449 | 100,0% | 100,0% | 37,1% | 95,0% | 90,0% |
| 38 | Ninh Thuận | 409.689 | 57.230 | 100,0% | 98,6% | 43,0% | 100,0% | 100,0% |
| 39 | Bình Thuận | 902.470 | 128.964 | 100,0% | 98,4% | 20,1% | 100,0% | 99,3% |
| Cộng miền Trung | | 8.629.332 | 1.152.519 | 99,3% | 96,0% | 41,5% | 99,1% | 95,4% |
| 40 | Kon Tum | 338.741 | 60.751 | 94,9% | 94,9% | 33,6% | 97,1% | 91,4% |
| 41 | Gia Lai | 950.154 | 166.462 | 100,0% | 97,0% | 31,9% | 100,0% | 89,0% |
| 42 | Đắk Lắk | 1.266.098 | 185.763 | 99,5% | 94,9% | 21,3% | 95,9% | 88,4% |
| 43 | Đắk Nông | 404.872 | 68.824 | 99,6% | 98,7% | 35,1% | 98,9% | 95,5% |
| Cộng Tây Nguyên | | 2.959.865 | 481.800 | 100,0% | 96,1% | 28,0% | 98,3% | 90,0% |
| 44 | TP. HCM | 6.826.573 | 831.740 | 100,0% | 97,9% | 62,2% | 87,7% | 82,4% |
| 45 | BR-VT | 956.596 | 112.724 | 100,0% | 95,3% | 68,2% | 98,1% | 96,9% |
| 46 | Đồng Nai | 2.489.971 | 292.031 | 100,0% | 94,8% | 26,0% | 100,0% | 94,0% |
| 47 | Tiền Giang | 1.300.609 | 158.524 | 100,0% | 98,4% | 62,5% | 99,0% | 99,8% |
| 48 | Long An | 1.452.231 | 167.662 | 100,0% | 100,0% | 78,7% | 100,0% | 93,8% |
| 49 | Lâm Đồng | 972.137 | 131.801 | 100,0% | 99,5% | 26,1% | 100,0% | 91,2% |
| 50 | Tây Ninh | 954.662 | 103.358 | 99,4% | 93,8% | 53,2% | 100,0% | 97,4% |
| 51 | Cần Thơ | 947.860 | 112.746 | 99,7% | 99,6% | 32,6% | 97,9% | 91,4% |
| 52 | Sóc Trăng | 866.520 | 111.555 | 100,0% | 99,9% | 5,6% | 100,0% | 99,5% |

| TT | Tỉnh | Dân số 18 tuổi trở lên | Dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi |
|----------------------|------------|------------------------|----------------------|--------------------------------|--------------------------------|---|-----------------------------------|-----------------------------------|
| 53 | An Giang | 1.371.622 | 198.826 | 100,0% | 98,9% | 29,2% | 100,0% | 96,7% |
| 54 | Bến Tre | 1.038.922 | 104.446 | 98,6% | 97,5% | 27,5% | 100,0% | 100,0% |
| 55 | Trà Vinh | 698.227 | 96.275 | 100,0% | 98,1% | 70,7% | 100,0% | 94,5% |
| 56 | Vĩnh Long | 769.026 | 91.692 | 100,0% | 99,5% | 45,1% | 100,0% | 96,1% |
| 57 | Đồng Tháp | 1.245.157 | 159.973 | 93,2% | 96,4% | 24,5% | 98,7% | 93,2% |
| 58 | Bình Dương | 2.066.553 | 180.024 | 100,0% | 100,0% | 63,1% | 100,0% | 93,3% |
| 59 | Bình Phước | 758.594 | 107.044 | 99,3% | 95,3% | 34,6% | 100,0% | 94,3% |
| 60 | Kiên Giang | 1.190.277 | 172.958 | 100,0% | 98,6% | 40,8% | 96,8% | 92,0% |
| 61 | Cà Mau | 813.771 | 112.247 | 100,0% | 99,4% | 15,4% | 100,0% | 99,7% |
| 62 | Bạc Liêu | 572.580 | 90.822 | 99,3% | 97,9% | 38,5% | 97,8% | 94,9% |
| 63 | Hậu Giang | 536.163 | 70.270 | 99,4% | 96,0% | 25,1% | 100,0% | 100,0% |
| Cộng miền Nam | | 27.828.051 | 3.406.718 | 100,0% | 98,4% | 46,7% | 100,0% | 92,3% |

PHỤ LỤC 4
Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19
của một số Bộ, ngành

I. Bộ Quốc phòng

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 03/4/2022 đến 16h00 ngày 04/4/2022:

- Tổng xuất nhập cảnh: 4.544 lượt người (nhập cảnh: 2.118, xuất cảnh: 2.426).
- + Tuyến VN-TQ: 238 lượt người (nhập cảnh: 178, xuất cảnh: 265).
- + Tuyến VN-Lào: 2.044 lượt người (nhập cảnh 734, xuất cảnh: 869).
- + Tuyến VN-CPC: 2.262 lượt người (nhập cảnh 1.100; xuất cảnh: 1.125).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 830 người trong đó:
- + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 721 người (VN-TQ: 03; VN-Lào: 57, VN-CPC: 661).
- + Số người nhập cảnh trái phép: 90 người (VN-TQ: 0; VN-Lào: 01, VN-CPC: 89).
- + Số người trao trả: 19 người (VN-TQ: 19; VN-Lào: 0, VN-CPC: 0).

II. Bộ Công an

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ ngày 03/4/2022 tới ngày 04/4/2022:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 4.737 lượt người (nhập cảnh: 3.170 lượt người; xuất cảnh: 1.567 lượt người).
- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh: 6.785 lượt người (nhập cảnh: 3.706 lượt người; xuất cảnh: 3.079 lượt người).

III. Thông tấn xã Việt Nam

Ngày 04/4, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 20 tin/bài tiếng Việt; 37 ảnh trong nước và quốc tế; 15 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm thông tin Tư liệu và Đồ họa thực hiện 9 đồ họa về tình hình dịch bệnh COVID-19 ở Việt Nam.

Các nội dung được tập trung phản ánh là Chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống dịch COVID-19 và các bộ, ngành về công tác phòng, chống dịch: hướng dẫn triển khai cấp “Hộ chiếu vaccine” và quán triệt việc bổ sung, xác thực thông tin tiêm chủng COVID-19; cập nhật thông tin về phòng, chống dịch; công tác chuẩn bị và sẵn sàng cho đợt tiêm chủng vaccine phòng COVID-19 cho trẻ từ đủ 5 đến dưới 12 tuổi; tập trung nguồn lực, chăm sóc người thuộc nhóm nguy cơ cao; đảm bảo an toàn phòng chống COVID-19 khi mở cửa các danh lam thắng cảnh đón khách du lịch.

IV. Bộ Thông tin và truyền thông

1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại: Bà Rịa-Vũng Tàu.
- Tính đến hết 01/4, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 10.531.000 cuộc gọi (ngày 31/3 đã tiếp nhận và xử lý gần 3 nghìn cuộc gọi).

| | | | | | | | | | | |
|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| 22/3 | 23/3 | 24/3 | 25/3 | 26/3 | 27/3 | 28/3 | 29/3 | 30/3 | 31/3 | 01/4 |
| 3910 | 4140 | 4155 | 3589 | 3136 | 2447 | 3125 | 3235 | 3086 | 3165 | 2898 |

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5/2021 – 01/4/2022 đã tiếp nhận hơn 314 nghìn cuộc (ngày 01/4/2022 đã tiếp nhận 22 cuộc).

| Tiêu chí | 22/3 | 23/3 | 24/3 | 25/3 | 26/3 | 27/3 | 28/3 | 29/3 | 30/3 | 31/3 | 01/4 |
|--------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| Cuộc gọi đến | 29 | 32 | 36 | 31 | 23 | 22 | 29 | 27 | 21 | 16 | 22 |

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9/2021, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC-Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 42.793.227, chiếm 44,61% dân số, 64,17% số điện thoại thông minh.

2.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ 3.785.334 điểm đăng ký

+ Tổng lượt quét mã QR để ghi nhận vào ra tại các địa điểm đăng ký: 275.144.762

2.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 206.460.876

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 193.662.984

- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 93,80%

- Tổng số thuê bao cài đặt Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): 33.645.806

- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.